

Bản án số: 39/2025/HS-ST

Ngày: 08/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang

Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mai Phương

2. Ông Hồ Hoàng Diệu

3. Ông Đinh Thanh Phú

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Minh Thông - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2025/TLST-HS ngày 03/6/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2025, đối với bị cáo:

Huỳnh Văn T, sinh năm 1970. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số B, khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở: Số B, khu vực Y, phường C, thành phố Cần Thơ (Trước là: Số B, khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ). Nghề nghiệp: Thợ mộc. Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Huỳnh Văn T1 (đã chết); Con bà Võ Thị T2, sinh năm: 1948 (sống); Vợ: Từ Thị Kim T3, sinh năm 1971; Con ruột: có 02 người, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: Không. Bị can bị bắt truy nã, tạm giam từ ngày 26/10/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam, Công an thành phố C (Có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo** Huỳnh Văn T: Luật sư Nguyễn Văn T4 Công ty Luật sư Trí Nguyễn thuộc Đoàn Luật sư thành phố C. (Có mặt).

- **Người bị hại:**

1. Trần Vũ P, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường B, KDC I, phường T, thành phố Cần Thơ (Trước là: Số A, đường B, KDC I, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ).

2. Nguyễn Minh S, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A, Khu V, phường A, thành phố Cần Thơ (Trước là: Số A, Khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Phan Văn L, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số D, Khu V, phường A, thành phố Cần Thơ (Trước là: Số D, Khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ).

2. Trần Thanh T5, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, Khu V, phường A, thành phố Cần Thơ (Trước là: Số A, Khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ).

3. Phan Văn T6, sinh năm 1961 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số F đường C, phường C, thành phố Cần Thơ (Trước là: Số F đường C, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ).

4. Từ Thị Kim T3, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số B, khu vực Y, phường C, thành phố Cần Thơ (Trước là: Số B, khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ).

- Người làm chứng:

1. Võ Huỳnh T7, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Số C, khu vực Y, phường C, thành phố Cần Thơ (Trước là: Số C, khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ).

2. Võ Huỳnh H, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, khu vực Y, phường C, thành phố Cần Thơ (Trước là: Số B, khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Văn T là Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên G, có trụ sở tại số B, khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. Vào năm 2019, do tình hình kinh doanh của Công ty gặp khó khăn nên T có vay tiền các ngân hàng với hình thức thế chấp các quyền sử dụng đất và vay tiền cá nhân từ đối tượng tên S1 (không rõ nhân thân).

Năm 2021, trong thời gian dịch bệnh Covid, tình hình kinh doanh gặp thêm nhiều khó khăn nên T không có khả năng trả tiền cho S1. Sau đó, S1 gợi ý với T sẽ nhờ người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để T thế chấp cho người khác lấy tiền trả nợ, T đồng ý. Sau đó, có người nam (không rõ nhân thân) liên hệ, trao đổi việc làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì T đồng ý làm giả 04 (bốn) giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà

ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCNQSDĐ) đứng tên Huỳnh Văn T với số tiền là 5.000.000 đồng/giấy. Sau đó, T nhận được 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, gồm:

- 01 (một) GCNQSDĐ số CB 695434, Số vào sổ cấp GCN: CH04291, thửa số 167, tờ bản đồ số 1, diện tích 140m², loại đất ở 20m², đất trồng cây lâu năm 120m², tọa lạc tại khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ, cấp cho Huỳnh Văn T đứng tên sử dụng ghi ngày 19/8/2015, bút lục 629 - 630.

- 01 (một) GCNQSDĐ số CB751926, số vào sổ cấp GCN: CH04635, thửa số 168, tờ bản đồ số 1, diện tích 643,7m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ, cấp ngày 17/11/2015 cho Huỳnh Văn T đứng tên sử dụng

- 01 (một) GCNQSDĐ số CB751470, số vào sổ cấp GCN: CH04549, thửa đất số 169, tờ bản đồ số 1, diện tích 139,8m², loại đất ở 80m², đất trồng cây lâu năm 59,8m², do Võ Huỳnh H, sinh năm 1970, trú tại số B, khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ đứng tên sử dụng ghi ngày 22/10/2015 và được chỉnh lý sang tên Huỳnh Văn T vào ngày 31/8/2017.

- 01 (một) GCNQSDĐ số CB 695434, số vào sổ cấp GCN: CH04290, đổi với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 1, diện tích 192,6m², đất ở 100m², đất trồng cây lâu năm 92,6m² tọa lạc tại khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ, cấp ngày 19/8/2015 mang tên Huỳnh Văn T.

Sau khi nhận được các GCNQSDĐ giả, bị cáo T nói với những người quen là cần tiền làm ăn và nhờ họ tìm người cho vay tiền để giới thiệu cho T, Khi tìm được người cho vay T mang các GCNQSDĐ đưa cho các ông Trần Vũ P, ông Nguyễn Minh S thế chấp, giữ làm tin để vay số tiền 975.000.000 đồng, rồi chiếm đoạt tiền để trả nợ cho S1. Cụ thể như sau:

Đối với ông Trần Vũ P: Đầu tháng 02/2021, T được người bạn là ông Phan Văn L giới thiệu, quen biết và hỏi vay tiền của ông P dưới hình thức T sử dụng GCNQSDĐ giả số CB 751926, số vào sổ cấp GCN: CH04635, thửa số 168, tờ bản đồ số 1 đưa cho ông P giữ làm tin, để vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng với lãi suất 5%/tháng và đóng tiền lãi trước 01 tháng nên T nhận được số tiền 285.000.000 đồng. Việc vay tiền thì hai bên có làm biên nhận và nhờ ông L ký tên chứng kiến. Sau đó đến hạn trả tiền thì T nói chưa vay được tiền ngân hàng nên chỉ trả lãi cho ông P được 01 tháng là 15.000.000 đồng. Đến ngày 15/3/2021, T hỏi vay thêm của ông P số tiền 200.000.000 đồng, ông P cũng đồng ý, thỏa thuận với lãi suất là 5%/tháng và đóng tiền lãi trước 01 tháng là 10.000.000 đồng nên T nhận được số tiền 190.000.000 đồng. Đối với GCNQSDĐ giả trên để T đã chiếm đoạt của ông P số tiền **475.000.000 đồng** để trả nợ cho S1.

Đối với ông Nguyễn Minh S: Đầu tháng 5/2021, T được bạn là ông Trần Thanh T5 giới thiệu, quen biết và hỏi mượn tiền ông S dưới hình thức T sử dụng GCNQSDĐ giả số CB 695434, số vào sổ cấp GCN: CH04291, thửa số 167, tờ bản đồ số 1 để thế chấp cho ông S vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn 10 ngày với tiền lãi là 20.000.000 đồng. Để đảm bảo số tiền vay thì ông S và T có làm hợp đồng đặt cọc mua bán thửa đất trên với giá là 500.000.000 đồng, ông S có đặt cọc số tiền 300.000.000 đồng, hợp đồng đặt cọc có ông T5 ký tên chứng kiến. Đến ngày 28/5/2021, T tiếp tục thế chấp cho ông S bộ ngựa để vay thêm số tiền 100.000.000 đồng và có làm biên nhận đặt cọc trong thời hạn 10 ngày sẽ hoàn trả số tiền này (Biên nhận đặt cọc viết trên Hóa đơn giao hàng của Doanh nghiệp tư nhân gỗ Thành Đạt ngày 28/5/2021). Đến ngày 07/06/2021, T tiếp tục hỏi vay thêm của ông S số tiền 200.000.000 đồng. Do lúc này T không còn giấy tờ đất gì để đưa cho ông S nên giữa T và ông S thống nhất để vợ ông S là bà Huỳnh Cẩm T8 ký tên chứng kiến thêm vào hợp đồng đặt cọc mua bán đất ngày 27/05/2021. Đồng thời, T cũng làm lại biên nhận mượn của ông S tổng số tiền là 600.000.000 đồng ngày 07/06/2021 với thời hạn là 02 tuần. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả như trên T chiếm đoạt của ông S số tiền **500.000.000 đồng** để trả nợ cho S1. Riêng số tiền 100.000.000 đồng, T vay của ông S có thỏa thuận thế chấp bộ ngựa bằng gỗ Bên là có thật, nên không có căn cứ xác định T lừa đảo chiếm đoạt thêm 100.000.000 đồng của ông S.

Ngoài ra, T còn sử dụng 02 (hai) GCNQSDĐ giả số CB 751470, số vào sổ cấp GCN: CH04549, thửa số 169, tờ bản đồ số 1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CB 695434, số vào sổ cấp GCN: CH04290, thửa số 167, tờ bản đồ số 1 để vay của ông Phan Văn T6 số tiền 300.000.000 đồng. Sau đó, T có mang GCNQSDĐ thật số CR 291899, số vào sổ cấp GCN: CS 132594, thửa số 493, tờ bản đồ số 26, diện tích đất là 1196 m², đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang do T đứng tên sử dụng để đảm bảo khoản vay, rồi đổi lại 02 (hai) GCNQSDĐ giả đã đưa cho ông T6 trước đó, nhưng ông T6 chưa trả lại cho T mà tiếp tục cất giữ. Qua điều tra, ông T6 xác định trong thời gian vay thì T có trả lãi một thời gian, sau đó không trả, ông T6 không yêu cầu T trả lại tiền và tự nguyện cho T số tiền đã vay. Do đó, không có căn cứ xác định T chiếm đoạt 300.000.000 đồng của ông T6, bút lục 657 - 661.

Vật chứng thu giữ:

- 04 (bốn) GCNQSDĐ giả, gồm: 01 (một) GCNQSDĐ số CB 695434, số vào sổ cấp GCN: CH04291, thửa số 167, tờ bản đồ số 1, diện tích 140m², loại đất ở 20m², đất trồng cây lâu năm 120m², tọa lạc tại khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ, cấp cho Huỳnh Văn T đứng tên sử dụng ghi ngày 19/8/2015 (do ông Nguyễn Minh S giao nộp); 01 (một) GCNQSDĐ số

CB751926, số vào sổ cấp GCN: CH04635, thửa số 168, tờ bản đồ số 1, diện tích 643,7m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khu vực Y, phường T, quận C được UBND quận C cấp cho Huỳnh Văn T đứng tên sử dụng vào ngày 17/11/2015; 01 (một) GCNQSDĐ số CB751470, số vào sổ cấp GCN: CH04549, thửa đất số 169, tờ bản đồ số 1, diện tích 139,8m², loại đất ở 80m², đất trồng cây lâu năm 59,8m², do Võ Huỳnh H, sinh năm 1970, trú tại số B, khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ đứng tên sử dụng ghi ngày 22/10/2015 và được chỉnh lý sang tên Huỳnh Văn T vào ngày 31/8/2017; 01 (một) GCNQSDĐ số CB 695434, số vào sổ cấp GCN: CH04290, đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 1, diện tích 192,6m², đất ở 100m², đất trồng cây lâu năm 92,6m² tọa lạc tại khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ, cấp ngày 19/8/2015 mang tên Huỳnh Văn T.

- 01 (một) GCNQSDĐ số CS 132594, đối với thửa đất số 493, tờ bản đồ số 26, diện tích 1196m², đất ở nông thôn 100m², đất trồng cây lâu năm 1096m², tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 25/12/2019 cho Huỳnh Văn T đứng tên sử dụng.

- 01 (một) Hợp đồng đặt cọc mua, bán nhà đất (bản chính) ghi ngày 27/5/2021 giữa Huỳnh Văn T với Nguyễn Minh S; 01 (một) biên nhận tiền (bản chính) đề ngày 07/6/2021; 01 (một) hóa đơn giao hàng của Doanh nghiệp tư nhân G1 (bản chính) ghi ngày 28/5/2021.

Tại Bản kết luận giám định số 66/KL-KTHS-TL ngày 29/7/2022 của Phòng K, Công an thành phố C kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 695434, mang tên Huỳnh Văn T, ghi ngày 19/8/2015 cần giám định ký hiệu A là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả (thửa đất số 167, giấy CNQSDĐ do ông Nguyễn Minh S giao nộp).

Tại Bản kết luận giám định số 133/KL-KTHS-TL ngày 06/01/2023 của Phòng K, Công an thành phố C kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB 751926 (số vào sổ cấp GCN CH04635) ghi ngày 17/11/2015 là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả (thửa số 168, do ông Trần Vũ P giao nộp).

Tại Bản kết luận giám định số 134/KL-KTHS-TL ngày 18/01/2023 của Phòng K, Công an thành phố C kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB 751470 (số vào sổ cấp GCN CH04549) ghi ngày 22/10/2015 là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả (thửa số 169, do ông Phan Văn T6 giao nộp); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB 695434 (số vào sổ cấp

GCN CH04290) ghi ngày 19/8/2015 là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả (thửa số 167, do ông Phan Văn T6 giao nộp).

Cơ quan điều tra đã thu thập 05 (năm) hợp đồng, gồm: 01 (một) hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và 04 (bốn) hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản do ông Huỳnh Văn T cùng vợ là bà Từ Thị Kim T3 ký với Ngân hàng TMCP X tại Văn phòng C, cụ thể: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 080/2020/EIBCR-TD/TCTS ngày 23/10/2020 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 152/2019/EIBCR-TD/TCTS ngày 12/9/2019; số 187/2019/ EIBCR-TD/TCTS ngày 26/11/2019; số 081/2020/EIBCR-TD/TCTS ngày 23/10/2020; số 082/2020/EIBCR-TD/TCTS ngày 23/10/2020 làm căn cứ giám định chữ viết, chữ ký của Huỳnh Văn T.

Tại Bản kết luận giám định số 173/KL-KTHS-TL ngày 12/01/2024 của Phòng K, Công an thành phố C kết luận: Chữ ký, chữ viết mang họ tên Huỳnh Văn T trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết họ tên Huỳnh Văn T trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký, viết ra (mẫu cần giám định gồm 02 (hai) giấy biên nhận có nội dung mượn tiền viết trên tờ giấy học sinh tại mặt trước có chữ ký, chữ viết mang họ tên Huỳnh Văn T do ông Trần Vũ P giao nộp.

Tại Bản kết luận giám định số 90/KL-KTHS-TL ngày 12/7/2024 của Phòng K, Công an thành phố C kết luận: Chữ ký mang tên Huỳnh Văn T trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 so với chữ ký của Huỳnh Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người ký ra. Chữ viết họ tên trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 so với chữ viết của Huỳnh Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người viết ra (tài liệu cần giám định do ông Nguyễn Minh S cung cấp gồm: 01 (một) hợp đồng đặt cọc mua bán nhà/đất giữa ông Nguyễn Minh S với ông Huỳnh Văn T ký ngày 27/5/2021; 01 (một) hóa đơn giao hàng có nội dung ông Nguyễn Minh S “*có đặc cọc bộ ngựa làm bằng gỗ Bên trị giá 100 triệu đồng trong vòng 10 ngày Công ty sẽ hoàn trả tiền đặc cọc cho anh S số tiền 100.000.000 đồng, trị giá thực tế bộ xập bằng 250.000.000 đồng*” có chữ viết, chữ ký mang tên Huỳnh Văn T; 01 (một) biên nhận mượn tiền ghi ngày 07/6/2021 có chữ viết, chữ ký mang tên Huỳnh Văn T.

Tại Công văn số 663/CNVPĐKĐĐ ngày 17/8/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận C xác định: Thửa đất số 167, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận số CS06899 ngày 10 tháng 10 năm 2017 đứng tên ông Võ Huỳnh T7 và chưa ghi nhận có các giao dịch khác; thửa đất số 168, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận số CH04635 ngày 17/11/2015 do ông Huỳnh Văn T đứng tên sử dụng, đã thế chấp tại Ngân hàng TMCP X vào ngày 20/7/2017; thửa đất số 169, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận số CH04549 ngày 22/10/2015 (xác nhận

chuyển nhượng trên trang 3 của giấy chứng nhận vào ngày 31/8/2017) do ông Huỳnh Văn T đứng tên sử dụng, thế chấp tại Ngân hàng TMCP X vào ngày 03/4/2018.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra lệnh kê biên tài sản đối với Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số CS 132594, đối với thửa đất số 493, tờ bản đồ số 26, diện tích 1196m², đất ở nông thôn 100m², đất trồng cây lâu năm 1096m², tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 25/12/2019 cấp cho Huỳnh Văn T đứng tên sử dụng.

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại cho ông Nguyễn Minh S 01 (một) hóa đơn giao hàng của Doanh nghiệp tư nhân G1 (bản chính) ghi ngày 28/5/20218.

Quá trình điều tra, Huỳnh Văn T đã thừa nhận do không có tiền trả nợ nên đã liên hệ đối tượng không rõ nhân thân để đặt mua 04 (bốn) GCNQSDĐ giả, tạo dựng lòng tin để vay tiền rồi chiếm đoạt số tiền 975.000.000 đồng, trong đó: ông S 500.000.000 đồng, ông P 475.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt tiền, T đã trả nợ cho đối tượng tên S1.

Đối với đối tượng tên S1 (không rõ nhân thân) và người làm giả các GCNQSDĐ, do không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với ông Phan Văn L và ông Trần Thanh T5 là người giới thiệu cho T vay tiền của các ông Trần Vũ P và ông Nguyễn Minh S nhưng không biết việc T sử dụng GCNQSDĐ giả đưa cho các ông P, ông S làm tin để vay tiền rồi chiếm đoạt, nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự là có căn cứ pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: ông Nguyễn Minh S yêu cầu bị can trả lại 500.000.000 đồng; ông Trần Vũ P yêu cầu bị can trả lại 475.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý khắc phục bằng việc kê biên quyền sử dụng đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 132594, thửa số 493, tờ bản đồ số 26, diện tích 1196m², đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

* Tại Cáo trạng số 06/CT-VKS- P2 ngày 21/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định: Truy tố bị cáo Huỳnh Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận hành vi mà Viện kiểm sát đã truy tố đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện cải tạo, bị cáo xin lỗi người bị hại, xin khắc phục phần nào hậu quả cho người bị hại, đồng ý khắc phục bằng việc kê biên

quyền sử dụng đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 132594, thửa số 493, tờ bản đồ số 26, diện tích 1196m², đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người bị hại ông Nguyễn Minh S: yêu cầu bị cáo bồi thường cho ông số tiền đã chiếm đoạt là 500 triệu đồng.

** Đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội:* Giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố về tội danh và điều khoản áp dụng đối với bị cáo Huỳnh Tấn T9. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt Bị cáo Huỳnh Văn T từ 8 (tám) đến 9 (chín) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 3(ba) đến 4 (bốn) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt của các tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 11 (Mười một) đến 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/10/2024.

Về xử lý vật chứng: Ghi nhận việc xử lý vật chứng trả lại cho ông Nguyễn Minh S 01 (một) hóa đơn giao hàng của Doanh nghiệp tư nhân G1 (bản chính) ghi ngày 28/5/2021. Tịch thu lưu hồ sơ: 04 (bốn) GCNQSDĐ giả như đã nêu theo hồ sơ

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho người bị hại số tiền đã chiếm đoạt: cụ thể ông Nguyễn Minh S 500.000.000 đồng; trả ông Trần Vũ P 475.000.000 đồng. Ghi nhận việc bị cáo đồng ý khắc phục bằng việc kê biên quyền sử dụng theo đó tiếp tục tạm giữ đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

** Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo:* Thông nhất với tội danh như Cáo trạng đã nêu. Do bị cáo làm ăn khó khăn, thời điểm dịch Covid nên bị cáo bị thiếu nhiều nợ và tìm cách trả nợ nên đã gây ra hậu quả nghiêm trọng, không thể khắc phục. Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo đối với trách nhiệm dân sự bị cáo ghi nhận việc bị cáo đồng ý khắc phục bằng việc kê biên quyền sử dụng đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên đề nghị xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại điểm I, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có cung cấp Giấy khen về thành tích trong các cuộc vận động của Ủy ban nhân dân, Mặt trận tổ quốc phường nơi bị cáo cư trú và bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo, Bị hại cũng có xin giảm nhẹ nên đề nghị cho

bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Huỳnh Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Do khó khăn về kinh tế, cần tiền làm ăn, kinh doanh, bị cáo vay tiền ngân hàng và vay tiền góp với lãi suất cao. Sau đó dịch bệnh Covid bùng phát nên bị cáo không còn khả năng trả tiền góp và cũng không còn tài sản gì để thế chấp vay tiền Ngân hàng nên ông S1 gợi ý cho bị cáo nhờ người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bị cáo đem thế chấp cho người khác lấy tiền trả cho ông S1. Để thực hiện hành vi, bị cáo T lợi dụng sự tin tưởng của các ông Nguyễn Minh S, ông Trần Vũ P đã sử dụng GCNQSD đất giả để vay tiền rồi chiếm đoạt 975.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Đồng thời, bị cáo còn dẫn họ đến cơ sở kinh doanh của T để họ tin tưởng là bị cáo có tài sản và cần tiền làm ăn là thật. Khi ông P và ông S cho bị cáo T vay tiền thì bị cáo có làm biên nhận ghi có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đưa giấy để làm tin. Để che dấu hành vi phạm tội của mình cũng như để kéo dài thời gian chiếm đoạt bị cáo T tiếp tục công thêm tiền lãi thành tiền mượn thêm của ông P. Đồng thời, tiếp tục hứa hẹn là đang chờ ngân hàng giải ngân để có tiền trả lại và viện nhiều lý do khác để kéo dài thời gian chiếm đoạt tiền của các bị hại.

Hành vi mà bị cáo T thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về tài liệu của cơ quan, tổ chức, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã

hội tại địa phương.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ truy tố bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung “*chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” với tình tiết định khung “*Sử dụng con dấu, tài liệu... thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng...*” theo quy định điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ truy tố bị cáo về các tội danh trên là có căn cứ, đúng quy định.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được việc đưa ra thông tin gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân mà bị cáo vẫn bất chấp hậu quả thực hiện hành vi chiếm đoạt với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có cung cấp Giấy khen về thành tích trong các cuộc vận động của Ủy ban nhân dân, Mặt trận tổ quốc phường nơi bị cáo cư trú. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, gia đình của bị cáo có đề nghị để khắc phục một phần hậu quả, ý khắc phục bằng việc kê biên quyền sử dụng đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 132594, thửa số 493, tờ bản đồ số 26, diện tích 1196 m², đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang Hội đồng xét xử xét thấy: việc thi hành án phần này sẽ khắc phục phần thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Ngoài ra, xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo, gia đình bị cáo đã cố gắng

khắc phục thiệt hại cho bị cáo; tại phiên tòa bị cáo tự nguyện thỏa thuận với bị hại về việc bồi thường toàn bộ số tiền thiệt hại, nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi lượng hình, các tình tiết giảm nhẹ được đánh giá để xem xét giảm một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đối với ông Phan Văn L, Trần Thanh T5 không biết bị cáo T sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp chiếm đoạt tiền của ông P, ông S. Vì vậy, không xem xét hành vi đồng phạm với T.

Đối với đối tượng S1 và người làm giả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giúp bị cáo T, do không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra không làm việc được. Vì vậy, tiếp tục đề nghị xác minh nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Để hạn chế làm giả, sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thực hiện hành vi phạm tội. Kiến nghị các cơ quan có liên quan trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần phải số hóa các thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để người dân có thể tự tra cứu, kiểm tra thông tin về số thửa đất, số tờ bản đồ, tên người sử dụng đất và tình trạng pháp lý thửa đất hiện tại.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại đã thỏa thuận được với nhau về số tiền bồi thường. Bị cáo đồng ý hoàn trả và bồi thường toàn bộ số tiền là tự nguyện nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo, theo đó bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho người bị hại số tiền đã chiếm đoạt: cụ thể ông Nguyễn Minh S 500.000.000 đồng; trả ông Trần Vũ P 475.000.000 đồng. Ghi nhận việc bị cáo đồng ý khắc phục bằng việc kê biên quyền sử dụng đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 132594, thửa số 493, tờ bản đồ số 26, diện tích 1196m², đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Số tiền từ việc phát mãi tài sản sẽ được thực hiện thi hành án khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Hình phạt bổ sung: Xem xét hoàn cảnh của bị cáo và để tạo điều kiện cho bị cáo thực hiện trách nhiệm dân sự hoàn trả tiền cho người bị hại nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định định tại khoản 5 Điều 174 đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu gồm 01 hóa đơn giao hàng của Doanh nghiệp tư nhân G1 ghi ngày 28/5/202 cho ông P. Lưu hồ sơ 04 (bốn) GCNQSDĐ giả như đã nêu trên; 01 (một) Hợp đồng đặt cọc mua, bán nhà đất (bản chính) ghi ngày 27/5/2021 giữa Huỳnh Văn T với Nguyễn Minh S; 01 (một) biên nhận tiền (bản chính) đề ngày 07/6/2021;

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả cho người bị hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

2. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

Bị cáo Huỳnh Văn T 09 (chín) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Bị cáo Huỳnh Văn T 03 (ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của các tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/10/2024.

3. Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng Hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

4. Trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 Bộ luật Dân sự.

- Áp dụng Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc hoàn trả tiền cho người bị hại: Bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho người bị hại số tiền đã chiếm đoạt: cụ thể Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 975.000.000 (chín trăm bảy mươi lăm triệu) đồng cho các bị hại, trong đó: ông Nguyễn Minh S 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng; ông Trần Vũ P 475.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Ghi nhận việc bị cáo đồng ý khắc phục bằng việc kê biên quyền sử dụng đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 132594, thửa số 493, tờ bản đồ số 26, diện tích 1196 m², đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Số tiền từ việc phát mãi tài sản sẽ được thực hiện thi hành án khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Nguyễn Minh S 01 (một) hóa đơn giao hàng của Doanh nghiệp tư nhân G1 (bản chính) ghi ngày 28/5/2021.

- Tiếp tục tạm giữ 01 (một) GCNQSDĐ số CS 132594, đối với thửa đất số 493, tờ bản đồ số 26, diện tích 1196m², đất ở nông thôn 100m², đất trồng cây lâu năm 1096m², tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 25/12/2019 cho Huỳnh Văn T đứng tên sử dụng để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu lưu hồ sơ: 04 (bốn) GCNQSDĐ giả, gồm: 01 (một) GCNQSDĐ số CB 695434, số vào sổ cấp GCN: CH04291, thửa số 167, tờ bản đồ số 1, diện tích 140m², loại đất ở 20m², đất trồng cây lâu năm 120m², tọa lạc tại khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ, cấp cho Huỳnh Văn T đứng tên sử dụng ghi ngày 19/8/2015 (do ông Nguyễn Minh S giao nộp); 01 (một) GCNQSDĐ số CB751926, số vào sổ cấp GCN: CH04635, thửa số 168, tờ bản đồ số 1, diện tích 643,7m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khu vực Y, phường T, quận C được UBND quận C cấp cho Huỳnh Văn T đứng tên sử dụng vào ngày 17/11/2015; 01 (một) GCNQSDĐ số CB751470, số vào sổ cấp GCN: CH04549, thửa đất số 169, tờ bản đồ số 1, diện tích 139,8m², loại đất ở 80m², đất trồng cây lâu năm 59,8m², do Võ Huỳnh H, sinh năm 1970, trú tại số B, khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ đứng tên sử dụng ghi ngày 22/10/2015 và được chỉnh lý sang tên Huỳnh Văn T vào ngày 31/8/2017; 01 (một) GCNQSDĐ số CB 695434, số vào sổ cấp GCN: CH04290, đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 1, diện tích 192,6m², đất ở 100m², đất trồng cây lâu năm 92,6m² tọa lạc tại khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ, cấp ngày 19/8/2015 mang tên Huỳnh Văn T.

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 41.250.000 (Bốn mươi một triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

7. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Những đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VCT&KSXX PT tại TP HCM;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Trại tạm giam số 1- CATPCT;
- CQĐT CATP Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Người tham gia TT;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Minh Trang